

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 35

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2015
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2015
		cho đến trước ngày 29 tháng 9 năm 2015
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Việt Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành
Ông Trần Mạnh Đức
Ông Trần Văn Thịnh
Ông Lê Bá Thọ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61113814 – 17794248

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 3 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hạng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		128.412.292.020	183.123.233.738
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	12.189.528.769	55.985.234.549
111	1. Tiền		12.189.528.769	40.985.234.549
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.470.579.700	2.667.778.040
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	6.979.120.100
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.119.692.858)	(4.311.342.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	110.234.741.884	120.938.227.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		86.572.360.602	87.740.596.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.837.103.127	18.358.543.305
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		18.610.392.472	17.227.661.113
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		301.358.567	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.850.341.588	1.053.460.876
141	1. Hàng tồn kho		4.132.598.591	1.053.460.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		667.100.079	2.478.532.647
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		574.602.499	839.817.529
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		92.497.580	1.638.715.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		547.480.573.147	70.212.732.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.554.580.000	4.740.855.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.362.700.000	4.585.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		191.880.000	155.355.000
220	II. Tài sản cố định		56.719.743.288	33.382.577.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.432.193.288	32.078.319.131
222	Nguyên giá		132.967.865.523	105.644.109.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.535.672.235)	(73.565.790.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.287.550.000	1.304.258.125
228	Nguyên giá		2.465.843.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.178.293.779)	(1.161.585.654)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	23.312.994.232
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	23.312.994.232
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	483.864.436.700	3.060.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		413.260.000.000	3.060.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.162.060.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		75.558.898.375	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.116.521.675)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.341.813.159	5.716.305.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.904.596.959	4.950.921.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	437.216.200	765.384.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		675.892.865.167	253.335.966.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		509.391.500.908	100.138.786.117
310	I. Nợ ngắn hạn		110.980.619.908	94.994.343.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	53.265.750.406	67.710.073.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	16.445.146.193	255.291.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.597.733.162	6.559.800.227
314	4. Phải trả người lao động		7.737.494.518	12.722.961.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		709.293.361	3.351.151.505
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.251.221.690	4.395.065.731
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.973.980.578	-
330	II. Nợ dài hạn		398.410.881.000	5.144.442.250
337	1. Phải trả dài hạn khác		224.800.000	1.665.422.000
338	2. Vay dài hạn	17	396.000.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.186.081.000	3.479.020.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19.1	166.501.364.259	153.197.180.014
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	166.501.364.259	153.197.180.014
411	1. Vốn cổ phần		137.803.490.000	83.518.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.803.490.000	83.518.570.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		8.378.540.122	8.097.890.172
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.276.861.099	28.139.561.099
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.042.473.038	33.441.158.743
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	3.399.487.773
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		13.042.473.038	30.041.670.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		675.892.865.167	253.335.966.131



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	996.109.538.956	872.723.744.485
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	996.109.538.956	872.723.744.485
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 24	(849.201.753.017)	(758.444.868.357)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.907.785.939	114.278.876.128
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.176.039.085	16.053.167.700
22	6. Chi phí tài chính	22	(11.032.424.485)	(840.131.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.831.408.810)	(836.744.834)
25	7. Chi phí bán hàng	23, 24	(69.354.231.992)	(54.687.973.220)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 24	(32.031.430.422)	(36.119.756.898)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.665.738.125	38.684.182.641
31	10. Thu nhập khác		478.607.204	279.174.814
32	11. Chi phí khác	25	(2.686.823.954)	(145.683.434)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.208.216.750)	133.491.380
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.457.521.375	38.817.674.021
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.904.874.798)	(8.771.088.250)
52	15. (Lỗ) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.2	(328.168.255)	765.384.455
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.224.478.322	30.811.970.226



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		33.457.521.375	38.817.674.021
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.897.790.232	4.584.775.075
03	Các khoản dự phòng		9.612.090.258	359.106.806
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.966.819)	20.569.465
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(617.256.127)	(7.571.316.119)
06	Chi phí lãi vay	22	1.831.408.810	836.744.834
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.179.587.729	37.047.554.082
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.287.413.138	(60.300.014.336)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.079.137.715)	919.737.075
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.378.355.528)	46.818.033.219
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.311.539.521	(3.580.600.673)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.388.847.542	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.408.810)	(836.744.834)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.079.945)	(4.537.883.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.089.487.471	7.621.601.243
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(6.921.962.032)	(34.347.181.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	67.909.090
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(489.920.958.375)	(1.530.000.000)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.331.914.394
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.288.729.993	6.037.238.560
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(494.554.190.414)	(21.440.119.495)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		766.660.711.188	86.814.260.874
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(352.686.730.610)	(86.814.260.874)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.3	(8.341.894.700)	(10.029.293.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		405.632.085.878	(10.029.293.400)
50	Giảm thuần tiền và tương đương tiền trong năm		(43.832.617.065)	(23.847.811.652)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.985.234.549	79.832.342.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.911.285	703.277
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	12.189.528.769	55.985.234.549



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 257 (31 tháng 12 năm 2014: 348).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong ba năm.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	722.141.171	2.460.930.300
Tiền gửi ngân hàng	11.467.387.598	38.524.304.249
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.189.528.769	55.985.234.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	VNĐ					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)	4.516.720.100	1.562.878.040	(2.953.842.060)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)	507.036.000	44.684.640	(462.351.360)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	639.018	159.000	(480.018)	639.018	387.000	(252.018)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	368.771	263.400	(105.371)	1.150.320.000	597.040.400	(553.279.600)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	112.322	66.600	(45.722)	1.396.647.832	777.150.000	(619.497.832)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	-	1.462.077.250	143.616.000	(1.318.461.250)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)	2.462.400.000	1.104.900.000	(1.357.500.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)	1.537.500.000	180.000.000	(1.357.500.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)	6.979.120.100	2.667.778.040	(4.311.342.060)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	86.572.360.602	87.740.596.060
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	37.212.750	10.958.814.275
Các khoản phải thu khách hàng khác	86.070.192.852	76.781.781.785
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	464.955.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.837.103.127	18.358.543.305
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	14.932.587.814
Các khoản trả trước khác	3.063.285.513	3.425.955.491
Phải thu ngắn hạn khác	18.610.392.472	17.227.661.113
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	10.805.975.900	7.731.092.994
Tạm ứng cho nhân viên	5.381.027.821	4.448.945.332
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.298.000	1.395.998.000
Phải thu cổ tức	-	1.611.890.533
Phải thu khác	342.090.751	2.039.734.254
Tài sản thiếu chờ xử lý - Hàng tồn kho	301.358.567	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
GIÁ TRỊ THUẦN	110.234.741.884	120.938.227.626

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.388.572.852)	(1.811.381.686)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.935.017.509)	(646.050.469)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	237.117.477	68.859.303
Số cuối năm	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ Năm trước</i>
Hàng hóa	4.132.598.591	1.053.460.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(282.257.003)</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.850.341.588</u>	<u>1.053.460.876</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VNĐ Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán dài hạn – Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	3.362.700.000	4.585.500.000
Phải thu dài hạn khác – Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>191.880.000</u>	<u>155.355.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.554.580.000</u>	<u>4.740.855.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	48.325.609.729	6.007.517.506	49.611.686.456	1.699.295.568	105.644.109.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.843.737.173	-	-	-	29.843.737.173
Mua trong năm	-	-	-	391.219.091	391.219.091
Thanh lý	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	<u>75.258.146.902</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>49.611.686.456</u>	<u>2.090.514.659</u>	<u>132.967.865.523</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>34.784.931.994</i>	<i>4.117.889.687</i>	<i>22.584.479.426</i>	<i>952.999.565</i>	<i>62.440.300.672</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	41.591.684.373	4.470.766.014	26.287.770.670	1.215.569.071	73.565.790.128
Khấu hao trong năm	2.259.922.721	371.709.419	4.033.026.419	216.423.548	6.881.082.107
Thanh lý	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	<u>40.940.407.094</u>	<u>4.842.475.433</u>	<u>30.320.797.089</u>	<u>1.431.992.619</u>	<u>77.535.672.235</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>6.733.925.356</u>	<u>1.536.751.492</u>	<u>23.323.915.786</u>	<u>483.726.497</u>	<u>32.078.319.131</u>
Số cuối năm	<u>34.317.739.808</u>	<u>1.165.042.073</u>	<u>19.290.889.367</u>	<u>658.522.040</u>	<u>55.432.193.288</u>

Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 34.317.739.808 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
<i>Trong đó:</i> <i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	999.722.625	161.863.029	1.161.585.654
Hao mòn trong năm	-	16.708.125	-	16.708.125
Số cuối năm	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.287.550.000	16.708.125	-	1.304.258.125
Số cuối năm	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 11.1)	413.260.000.000	-	3.060.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	4.162.060.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	75.558.898.375	(9.116.521.675)	-	-
TỔNG CỘNG	492.980.958.375	(9.116.521.675)	3.060.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100,00	400.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (ii)	Logistic	Đang hoạt động	51,00	10.200.000.000	-	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	51,00	3.060.000.000	51,00	3.060.000.000
TỔNG CỘNG				413.260.000.000		3.060.000.000

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ nhất. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 400 tỷ VNĐ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 10,2 tỷ VNĐ vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.
- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo CNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VNĐ. Công ty đã cam kết góp đủ vốn tương đương 49% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chỉ góp 4.162.060.000 VNĐ vào Gefco - Sotrans Logistics, tương ứng 24,5% tỷ lệ sở hữu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Gefco – Sotrans Logistics giảm từ 49% xuống còn 24,5% theo các quy định hiện hành.

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MHC (“MHC”). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sở hữu 4.342.639 cổ phiếu tương đương 16,02% vốn chủ sở hữu của MHC.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) ngày 7 tháng 12 năm 2015, HĐQT thống nhất thông qua việc mua cổ phiếu MHC. Theo đó, Công ty sẽ nắm đến 20,01% tỷ lệ sở hữu trong MHC để có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động của công ty này cho các mục tiêu đầu tư lâu dài.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Công ty.

Tất cả cổ phiếu của MHC với giá trị còn lại là 66.442.376.700 VNĐ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của khoản vay và trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.1 và 17.2.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa	2.823.316.285	4.552.926.763
Công cụ, dụng cụ	81.280.674	397.994.687
TỔNG CỘNG	<u>2.904.596.959</u>	<u>4.950.921.450</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho Công ty Unitex Logistics Limited	398.883.248	9.860.051.117
Phải trả người bán khác	46.556.439.119	57.850.022.433
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	6.310.428.039	-
TỔNG CỘNG	<u>53.265.750.406</u>	<u>67.710.073.550</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 27</i>)	15.951.866.064	-
Người mua khác trả tiền trước	493.280.129	255.291.749
TỔNG CỘNG	<u>16.445.146.193</u>	<u>255.291.749</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp/ Cán trừ	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.332.100.279	54.546.509.349	(54.325.280.396)	1.553.329.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26.1</i>)	3.118.268.851	7.904.874.798	(10.115.918.461)	907.225.188
Thuế thu nhập cá nhân	291.045.087	2.860.731.742	(3.014.598.087)	137.178.742
Tiền thuê đất	1.818.386.010	8.517.366.042	(10.335.752.052)	-
Các loại thuế khác	-	1.151.566.963	(1.151.566.963)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.559.800.227</u>	<u>74.981.048.894</u>	<u>(78.943.115.959)</u>	<u>2.597.733.162</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ	9.460.861.365	1.795.637.761
<i>Trong đó:</i>		
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	7.000.000.000	-
Nhận ký quỹ từ bên khác	2.460.861.365	1.795.637.761
Phí hoa hồng	1.085.957.547	722.297.702
Cổ tức phải trả	183.567.363	173.605.063
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.520.835.415	1.703.525.205
TỔNG CỘNG	<u>12.251.221.690</u>	<u>4.395.065.731</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	VNĐ			
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngắn hạn - Vay từ đơn vị khác (Thuyết minh số 17.1)	- 35.671.418.775	(17.697.438.197)		17.973.980.578
Vay dài hạn - Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 17.2)	- 396.000.000.000		- 396.000.000.000	
Vay từ các bên khác	- 334.989.292.413	(334.989.292.413)		-
TỔNG CỘNG	- 766.660.711.188	(352.686.730.610)		413.973.980.578

17.1 Vay ngắn hạn

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán IB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch mua chứng khoán niêm yết. Số cuối năm được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
C000052/2015/IB SC/HĐ-GDKQ	<u>17.973.980.578</u>	Từ 14 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2016	13,50%	Toàn bộ chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ

17.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Kỳ hạn
		VNĐ	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(4.000.000.000)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>396.000.000.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VNĐ từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VNĐ từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.614.669 cổ phiếu tương đương 20,71% tỷ lệ sở hữu trong MHC và 36.905.000 cổ phiếu tương đương 55% tỷ lệ sở hữu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	83.518.570.000	6.894.818.939	23.316.847.261	4.822.713.838	17.230.929.872	135.783.879.910
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	30.811.970.226	30.811.970.226
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(10.022.228.400)	(10.022.228.400)
Trích lập các quỹ	-	1.203.071.233	-	-	(3.809.213.699)	(2.606.142.466)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(770.299.256)	(770.299.256)
Số cuối năm	<u>83.518.570.000</u>	<u>8.097.890.172</u>	<u>23.316.847.261</u>	<u>4.822.713.838</u>	<u>33.441.158.743</u>	<u>153.197.180.014</u>
Năm nay						
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.441.158.743	153.197.180.014
Trình bày lại (Thuyết minh số 30)	-	-	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-	-
Số đầu năm (được trình bày lại)	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.441.158.743	153.197.180.014
Tăng vốn trong năm (i)	41.758.430.000	-	(20.862.700.000)	-	(20.895.730.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	12.526.490.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	25.224.478.322	25.224.478.322
Trích lập các quỹ	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Số cuối năm	<u>137.803.490.000</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>7.276.861.099</u>	<u>-</u>	<u>13.042.473.038</u>	<u>166.501.364.259</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 4.175.928 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết trên. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.252.778 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.428.492 cổ phiếu trị giá 54.284.920.000 VNĐ, trong đó 4.175.843 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 41.758.430.000 VNĐ) và 1.252.649 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 12.526.490.000 VNĐ). Công ty cũng đã nộp báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 9 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Công ty đã trả tạm ứng cổ tức bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết của HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2015, tương đương với 8.351.857.000 VNĐ.

Phần cổ tức còn lại tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu được trả bằng hình thức phát hành thêm 1.252.649 cổ phiếu, tương đương với 12.526.490.000 VNĐ, như đã trình bày trên.

Ngày 8 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 455/QĐ-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chi trả cổ tức này.

19.2 Cổ phiếu

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.780.349	8.351.857
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.780.349	8.351.857

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	20.878.347.000	16.703.714.000
Cổ tức đã trả trong năm	8.341.894.700	10.029.293.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	781.268.742.699	643.775.442.340
Doanh thu bán hàng hóa	214.840.796.257	228.948.302.145
TỔNG CỘNG	<u>996.109.538.956</u>	<u>872.723.744.485</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	558.782.958	212.540.880
Lãi tiền gửi	508.546.127	2.385.669.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.710.000	5.123.042.492
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	8.331.914.394
TỔNG CỘNG	<u>1.176.039.085</u>	<u>16.053.167.700</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	647,846.775.519	538.326.936.906
Giá vốn của hàng hóa đã bán	201.354.977.498	220.117.931.451
TỔNG CỘNG	<u>849.201.753.017</u>	<u>758.444.868.357</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
giảm giá các khoản đầu tư	8.312.704.986	(218.084.360)
Chi phí lãi vay	1.831.408.810	836.744.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá	821.282.660	221.470.595
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.028.029	-
TỔNG CỘNG	11.032.424.485	840.131.069

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	69.354.231.992	54.687.973.220
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	45.649.471.975	38.049.331.373
Chi phí bán hàng khác	23.704.760.017	16.638.641.847
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.031.430.422	36.119.756.898
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	15.045.721.546	14.961.713.999
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.697.900.032	577.191.166
Tiền thuê đất	2.555.209.813	4.717.838.807
Chi phí trợ cấp thôi việc	130.536.500	3.704.775.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.602.062.531	12.158.237.113

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.574.821.524	554.626.499.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	201.354.977.498	220.351.933.023
Chi phí nhân công	60.695.193.521	53.011.045.372
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	6.897.790.232	4.584.775.075
Chi phí khác	25.064.632.656	16.678.345.454
TỔNG CỘNG	950.587.415.431	849.252.598.475

25. CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	2.611.809.327	141.024.183
Chi phí khác	75.014.627	4.659.251
TỔNG CỘNG	2.686.823.954	145.683.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập tính thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.457.521.375	38.817.674.021
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Trợ cấp thôi việc phải trả	(1.292.939.250)	3.479.020.250
Chi phí không được khấu trừ	2.976.969.640	1.363.933.907
Thu nhập không chịu thuế	(108.710.000)	(5.123.042.492)
Thu nhập chịu thuế ước tính	35.032.841.765	38.537.585.686
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	7.707.225.188	8.478.268.851
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	197.649.610	292.819.399
Chi phí thuế TNDN trong năm	7.904.874.798	8.771.088.250
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.118.268.851	2.255.660.387
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	907.225.188	3.118.268.851

26.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>437.216.200</u>	<u>765.384.455</u>	<u>(328.168.255)</u>	<u>765.384.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Các bên liên quan của Công ty phần lớn là các công ty con của Công ty.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans	Công ty liên kết	Trả hộ	1.332.503.636	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)	Công ty con	Cho thuê cảng Trả hộ	8.728.402.146 (6.328.585.487)	

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Năm trước</i>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	<u>464.955.000</u>	
---------------	-------------	------------------	--------------------	--

Phải trả người bán ngắn hạn

Cảng Miền Nam	Công ty con	Trả hộ	<u>(6.310.428.039)</u>	
---------------	-------------	--------	------------------------	--

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	<u>(15.951.866.064)</u>	
---------------	-------------	---------------	-------------------------	--

Phải trả ngắn hạn khác

Cảng Miền Nam	Công ty con	Nhận ký quỹ cho thuê cảng	<u>(7.000.000.000)</u>	
---------------	-------------	------------------------------	------------------------	--

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>3.953.299.218</u>	<u>2.713.464.587</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.616.464.307	11.924.311.440
Từ 1 đến 5 năm	23.921.132.080	25.005.348.160
Trên 5 năm	483.623.920	5.835.286.969
TỔNG CỘNG	<u>36.021.220.307</u>	<u>42.764.946.569</u>

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	18.449	15.793
- Đồng Euro (EUR)	1.658	1.292
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040
Giá trị ước tính của vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	428.118.897.001	454.770.114.513

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính riêng của năm nay, chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Trả trước cho người bán	22.944.043.305	(22.944.043.305)	-
Trả trước người bán ngắn hạn	-	18.358.543.305	18.358.543.305
Trả trước người bán dài hạn	-	4.585.500.000	4.585.500.000
Phải thu khác	11.382.717.781	(11.382.717.781)	-
Tài sản ngắn hạn khác	5.844.943.332	(5.844.943.332)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	17.227.661.113	17.227.661.113
Thuế GTGT được khấu trừ	15.107.634	1.623.607.484	1.638.715.118
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.623.607.484	(1.623.607.484)	-
Tài sản dài hạn khác	155.355.000	(155.355.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	155.355.000	155.355.000
Phải trả dài hạn khác	3.479.020.250	(3.479.020.250)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.479.020.250	3.479.020.250
Quỹ đầu tư và phát triển	23.316.847.261	4.822.713.838	28.139.561.099
Quỹ dự phòng tài chính	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của trình bày lại</i>	VNĐ <i>Năm trước (được trình bày lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	284.480.211	(5.305.397)	279.174.814
Chi phí khác	(150.988.831)	5.305.397	(145.683.434)

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm, để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VNĐ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình nộp báo cáo kết quả phát hành nêu trên cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và hoàn thành GCNĐKKD điều chỉnh từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 11.3, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016